

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT

Ngày 01/6/2023

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Ngọc

Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Phương Nam. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trng các ngày 30/5 và 01/6/2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLPT-DS ngày 23/3/2023 về tranh chấp thừa kế. Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TC bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2023/QĐ-PT, ngày 27/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Xóm Yên Đình, xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quang T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm Yên Đình, xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961. Địa chỉ: Xóm Yên Đình, xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Hảo, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961. Địa chỉ: Xóm Yên Đình, xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3.3. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1983(Vợ anh T). Địa chỉ: Xóm Yên Đình, xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DSST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TC, vụ án có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện có nội dung: Bố bà là Nguyễn Hữu Tong (chết tháng 11/1992), mẹ là Nguyễn Thị Tong (chết tháng 6/1996). Bố mẹ sinh được 04 người con, gồm bà Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1957, (chết năm 2015 - bà Thành có 01 người con tên là anh Trần Quang T); bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị N; bà Nguyễn Thị Hảo. Bố mẹ của ông Tong và bà Tong, tức là ông bà nội và ông bà ngoại của bà, đã chết trước cả bố mẹ. Bố mẹ bà chết có để lại một mảnh vườn mang tên bà Nguyễn Thị Tong, đã được Ủy ban nhân dân huyện TC, cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 31/12/1997, có số thửa 815, tờ bản đồ số 4, diện tích 700 m², nay đo lại diện tích mới là khoảng 830 m². Khi bố mẹ mất không để lại di chúc.

Năm 2008, trong lúc bà Nguyễn Thị Thành đi làm ăn ở miền Nam, ở nhà có chủ trương đo lại vườn. Bà N có làm giấy chuyển tên cho bà Thành, nhưng khi về thì bà Thành không nhận. Lý do không nhận là bà Thành đã lấy chồng, không nuôi dưỡng được cha mẹ, nên chỉ xin lại một phần để ở. Năm 2012, ngày giỗ cha mẹ bà N, anh em ngồi họp bàn bạc, mảnh vườn đó chia thành hai phần, một phần cho bà Nguyễn Thị Thành là con gái đầu, một phần là cho bà Nguyễn Thị N là con thứ 3, là người có công nuôi dưỡng ông bà khi còn sống, thờ phụng ông bà sau khi qua đời. Nhưng ai cũng là con của ông bà nên anh em quyết định, gia đình anh T con của bà Thành hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị Hảo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Gia đình bà N hỗ trợ cho gia đình bà Ng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Hạn đến năm 2017, hai gia đình bà N và bà Thành, tức là anh T, phải có đủ số tiền nói trên cho hai gia đình bà Ng và bà Hảo. Biên bản thông qua, không ai có ý kiến gì thêm, đều nhất trí 100%, đại diện các gia đình đã ký vào biên bản, phô tô thành 05 bản, mỗi gia đình giữ một bản.

Đến năm 2013, địa chính huyện về đo thành hai thửa: Thửa số 791, tờ bản đồ số 30, diện tích 400m² mang tên bà Nguyễn Thị Thành; Thửa 790, tờ bản đồ số 30, diện tích 430m², mang tên bà Nguyễn Thị N, để làm thủ tục cấp GCNQSD đất, thì anh Trần Quang T không đồng ý, nên không thực hiện được như ý định phân chia năm 2012.

Trên mảnh vườn đó, hiện nay có 01 ngôi nhà nhỏ 01 gian 2 hồi, do bà N làm lại, để làm nơi thờ cúng ông bà và nhà 03 gian nhà cấp 4 cùng với công trình phụ của vợ chồng anh T xây dựng.

Việc tranh chấp đất đai giữa các chị em, năm 2020 UBND xã TN cũng đã hòa giải; tất cả các chị em của bà cũng đã thỏa thuận thống nhất chia đôi mảnh vườn, anh Trần Quang T sử dụng 01 nửa, 3 chị em còn lại sử dụng một nửa để làm nơi thờ cúng cha mẹ. Nhưng sau đó anh T thay đổi, không chịu nữa.

Di sản thừa kế của yêu cầu phân chia thừa kế là 01 thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4 (nay là theo đo đạc mới là thửa 323, tờ bản đồ số 30 xã TN và 01 cái giếng nước. Về việc phân chia như sau: chia thửa đất thành 2 phần; lấy mốc nhà anh T làm ranh giới 2 bên và mong muốn của 3 chị em là được chia về phía giáp phần đường đi lối của xóm; 3 chị em bà không yêu cầu Tòa án chia nhỏ cho 03 chị em, mà chia cho 3 chị em thành 01 mảnh đất hợp lý; bà sẽ giữ cái nhà 01 gian hiện tại, đang nằm sát nhà 3 gian của anh T sang phía bên giáp đường lối xóm và sẽ làm nhà thờ, 3 chị em bà đã chuẩn bị gỗ đầy đủ rồi; khi được đất về phía giáp đường lối xóm, thì đề nghị vợ chồng anh T dỡ cái ràn ngói đi nơi khác. Ba chị em bà mong Tòa án chia làm sao, khỏi phải đập phá ngôi nhà 3 gian của vợ chồng anh T.

Bị đơn là anh Trần Quang T trình bày: Thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình. Ngoài ra, vợ anh tên là Hoàng Thị N, vợ chồng kết hôn tháng 10/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện TC, sau khi kết hôn thì cả hai vợ chồng về sống trên thửa đất hiện tại cùng với mẹ là Nguyễn Thị Thành, từ đó cho đến nay. Mẹ anh là bà Nguyễn Thị Thành chỉ có 01 người con là mình anh mà thôi.

Về thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông bà ngoại, đã được Ủy ban nhân dân huyện TC cấp giấy chứng nhận ngày 31/12/1997, mang tên Nguyễn Thị Tong, có số thửa 815, tờ bản đồ số 4, diện tích theo trong giấy chứng nhận 700 m², nay đo lại diện tích mới là khoảng 800 m². Ông bà ngoại chết không để lại di chúc. Trước đây trên thửa đất này chỉ có mẹ con anh ở trên thửa đất này và đến

khi anh lấy vợ, thì hai vợ chồng về ở cùng mẹ trên thửa đất này từ đó cho đến nay. Còn 03 bà gì đã lấy chồng và đều ở nơi khác cả, không ở trên thửa đất này.

Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà nhỏ do bà N đứng ra làm nơi thờ cúng ông bà ngoại. Ngoài ra vợ chồng anh có xây dựng ngôi nhà ngói 3 gian, 01 cái ràn 3 gian, 01 công trình phụ. Ngoài ra không có gì nữa cả.

Trước đây thửa đất này định tách thành 02 thửa, gồm thửa số 791, tờ bản đồ số 30, diện tích 400m² và thửa số 790, tờ bản đồ số 30, diện tích 400 m² tại xóm Yên Đình, xã TN; nhưng sau không thành. Theo số liệu đo đạc mới thì thửa đất này có số thửa là 323, tờ bản đồ số 30, xã TN, huyện TC.

Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà ngoại để lại, anh hoàn toàn không đồng ý, vì thửa đất này từ trước đến nay chỉ có mẹ con anh ở, hơn nữa bà N đã có giấy viết tay để lại thửa đất này cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Thành, có xác nhận của UBND xã TN, nên anh không đồng ý chia thừa kế như ý kiến của các bà gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo trình bày và yêu cầu thống nhất như bà Nguyễn Thị N.

Đối với chị Hoàng Thị N, trong quá trình tố tụng sơ thẩm, chị N vắng mặt.

Kết quả thẩm định:

Thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4, nay theo số liệu đo đạc mới có số thửa là 323, tờ bản đồ số 30, có diện tích đo thực tế hiện nay là 790 m², diện tích này lớn hơn diện tích được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên thửa đất có 01 ngôi nhà ngói 3 gian, 01 ràn ngói 3 gian; 01 cái xái lợp Prô (ớt) sát nhà 3 gian, 01 nhà vệ sinh sát sau cái Xái lợp Prô, sau nhà 3 gian có 01 cái ô bếp; đều do vợ chồng anh Trần Quang T xây dựng. Phía Tây Bắc thửa đất có 1 bờ tường rào cao 1,3 m không da trát, do vợ chồng anh Trần Quang T xây dựng. Phía trước nhà ngói 3 gian có 01 nhà ngói 1 gian 2 hồi do bà N xây dựng. Phía Đông Bắc giáp đường liên thôn có 01 be tre mọc tự nhiên; phía trước nhà 3 gian và nhà 1 gian, có 01 cái giếng của bố mẹ bà N để lại. phía Đông Nam giáp đường liên xã và phía Đông Bắc có lưới B40 làm hàng rào bao quanh, do vợ chồng anh T xây dựng; phía trước giáp đường liên xã nghiêng về phía Đông Bắc có cổng tip lưới, làm cổng ra vào do vợ chồng anh T làm.

Kết quả định giá:

Thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4, nay theo số liệu đo đạc mới có số thửa 323, tờ bản đồ số 30, xã TN, có giá: 1.200.000 đồng/1 m²; 01 bụi tre trị giá: 100.000

đồng; bờ rào xây gạch táp lô phía Tây Bắc cao 1,3 m không da trát, có giá: 57.000 đồng/ 1 mét chạy; nhà ngói 1 gian 2 hồi do bà N xây dựng trị giá: 23.870.000 đồng; 01 cái bếp sau nhà 3 gian trị giá: 2.530.000 đồng; 01 cái nhà tắm trị giá: 1.600.000 đồng; 01 hệ thống nước năng lượng mặt trời trên nhà tắm trị giá: 5.000.000 đồng; 01 cái Ràn ngói 3 gian trị giá: 17.920.000 đồng; 01 cái Xái ốt và mái tôn trị giá: 12.480.000 đồng; 01 nhà ngói 3 gian trị giá: 119.380.000 đồng; 01 giếng nước trị giá: 3.600.000 đồng; 01 cổng khung tít lưới B40 trị giá: 1.300.000 đồng; lưới B40 cao 1,5m trị giá: 150.000 đồng/ 1 mét chạy.

Kết quả xác minh tại UBND xã TN:

Thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4, là của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tong, thửa đất này đã được cấp GCNQSD đất mang tên bà Nguyễn Thị Tong vào ngày 31/12/1997, có diện tích 700 m², trong đó có 300 m² đất ở và 400 m² đất vườn. Thửa đất này hiện nay chưa làm thủ tục cấp đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế bất kỳ ai; trên giấy tờ vẫn mang tên bà Nguyễn Thị Tong. Theo số liệu đo đạc bản đồ địa chính 2005 và chỉnh lý năm 2008 có số thửa là 323, tờ bản đồ số 30, diện tích 310 m², diện tích thực tế lớn hơn so với diện tích ghi trong GCNQSD đất là do sai số về đo đạc trước đây; còn hiện nay thửa đất này hiện nay phù hợp với quy hoạch và đủ điều kiện để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DSST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TC đã quyết định: Căn cứ vào: Khoản 2, 5 Điều 26; Điều 147; 157; 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 631, 632, 633, 634, 635, 640, 670, 674, 675, 676, 683 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 618, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế. Về đất: Giao cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Hảo, được quyền sử dụng 368 m² của thửa đất số 323, tờ bản đồ số 30 (số liệu đo đạc cũ là thửa số 815, tờ bản đồ số 4), xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An, trị giá: 441.600.000 đồng (Bốn trăm, bốn mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng). (Chi tiết phần đất được quyền sử dụng, được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, B về 4 có trong sơ đồ kèm theo). Giao cho anh Trần Quang T, được quyền sử dụng 422 m² của thửa đất số 323, tờ bản đồ số 30 (số liệu đo đạc cũ là thửa số 815, tờ bản đồ số 4), xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An, trị giá: 506.400.000 đồng (Năm trăm linh sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). (Chi tiết

phần đất được được quyền sử dụng, được giới hạn bởi các điểm B, 9, 10, 11 về B có trong sơ đồ kèm theo). Về tài sản: Giao cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Hảo, được quyền sở 01 bụi tre, trị giá: 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), nằm trên phần đất được chia. Giao cho anh Trần Quang T được quyền sử dụng 01 Giếng nước, trị giá: 3.600.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng), nằm trên phần đất được chia. Anh Trần Quang T và chị Hoàng Thị N, có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác các tài sản bao gồm: 01 Ràn ngói 3 gian, trị giá: 17.920.000 đồng. Toàn bộ bờ rào, khoảng 40 mét chạy (kể cả cổng tấp sát, lưới B40) thép B40, trị giá: 6.000.000 đồng. 11 m bờ rào xây gạch tấp lô, không da trát, nằm sau Ràn ngói 3 gian trị giá: 627.000 đồng; nằm trên phần được chia của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Hảo, để trả lại phần đất cho 3 bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Hảo. Bà Nguyễn Thị N, có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác 01 ngôi nhà ngói 1 gian 2 hồi, trị giá: 23.870.000 đồng, nằm trên phần đất được chia của anh Trần Quang T, để trả lại phần đất cho anh Trần Quang T. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Về án phí, chi phí định giá và xem xét thẩm định: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ng. Bà Nguyễn Thị Hảo, phải chịu: 6.625.500 đồng (Sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Quang T, phải chịu: 25.550.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, năm trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Quang T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là: 5.875.500 đồng (Năm triệu, tám trăm, bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng), mà bà Nguyễn Thị N đã bỏ ra nộp. Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Hảo, có trách nhiệm chịu số tiền chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là: 5.875.500 đồng (Năm triệu, tám trăm, bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng). Nhưng bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ng và Nguyễn Thị Hảo, không còn phải có nghĩa vụ thi hành khoản tiền này, vì đã bỏ ra nộp chi phí trực tiếp theo quy định. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án bị kháng cáo, kháng nghị như sau: Ngày 21/02/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm về việc phân chia di sản theo quy định pháp luật, đảm bảo công bằng quyền

lợi của các đồng thừa kế. Ngày 22/02/2023, Viện trưởng VKSND huyện TC đã ban hành quyết định kháng nghị số 75/QĐKNPT-VKS-DS với những vi phạm sau: Không xem xét giải quyết công sức bảo quản làm tăng giá trị thửa đất; giải quyết vụ án chưa có căn cứ; vi phạm về định giá tài sản và án phí; quyết định của bản án chưa đầy đủ, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất về phần di sản thừa kế của cụ Tong để lại gồm thửa đất và cái giếng nước và chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản này. Các đương sự thống nhất về quá trình quản lý, sử dụng đất, công quản lý tôn tạo của bà Thành, anh T, chị N. Về tài sản trên đất, thống nhất 01 ngôi nhà ngói 1 gian 2 hồi là nhà thờ là do bà Nguyễn Thị N xây dựng thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị N, còn lại là do vợ chồng anh T, chị Hoàng Thị N tạo lập và thuộc quyền sở hữu của anh T và chị N.

Về phương án phân chia tài sản, các đương sự thống nhất như sau: Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo đồng ý nhận phần đất theo diện tích đã được chia cho anh Trần Văn T tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An. Anh Trần Quang T, chị Hoàng Thị N đồng ý nhận phần đất theo diện tích đã được chia cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Về tài sản trên đất: anh Trần Quang T, chị Hoàng Thị N đồng ý tự tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất do vợ chồng anh T, chị N xây dựng theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2022 trên phần đất được giao cho bà N, bà Hảo, bà Ng; không yêu cầu thanh toán bù trừ chênh lệch, không yêu cầu thanh toán chi phí tháo dỡ. Đối với đoạn hàng rào phía sau giáp thửa đất số 320 (do anh T, chị N xây dựng) các bên đồng ý không tháo dỡ, không phải thanh toán các khoản chi phí chênh lệch, xây dựng.

Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo đồng ý cho anh T, chị N tháo dỡ các công trình trên phần đất của bà N, bà Ng, bà Hảo được giao do anh T, chị N đã xây dựng trừ (đoạn hàng rào phía sau như thỏa thuận).

Về việc giao tài sản: Về phần đất thừa kế và cái giếng nước, đoạn hàng rào phía sau giáp thửa đất số 320, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo thống nhất giao cho chung cho cả 3 người. Đối với nhà thờ là 01 ngôi nhà ngói 1 gian 2 hồi do bà N xây dựng giao cho bà Nguyễn Thị N.

Anh Trần Quang T và chị Hoàng Thị N thống nhất giao toàn bộ tài sản nhận được cho hai vợ chồng vì đã cùng nhau tạo lập tài sản trên đất và quản lý, tôn tạo đất từ khi kết hôn đến nay.

Về chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo thỏa thuận chịu, không yêu cầu anh T, chị N phải thanh toán.

Về án phí: Các đương sự xin được miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn; phần thừa kế nhận được chỉ để tạo lập cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình xét xử phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc tổng đạt cho các đương sự đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản thừa kế và chi phí tố tụng. Đối với án phí, đề nghị xem xét miễn án phí cho các đương sự. Những nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TC về những thiếu sót của bản án sơ thẩm, là có căn cứ, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thoả thuận được việc giải quyết tranh chấp. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm; xét kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện TC, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục phúc thẩm: Ngày 21/3/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo; ngày 22/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TC có quyết định kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TC là trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4 (nay theo đo đạc mới có số thửa là 323, tờ bản đồ số 30) xã

TN, huyện TC, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ là bà Nguyễn Thị Tong, vào ngày 31/12/1997. Đây là tranh chấp về thừa kế. Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Nghệ An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tài sản thừa kế.

Thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4, xã TN là của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tong, thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Tong, vào ngày 31/12/1997, có diện tích theo giấy chứng nhận là 700 m². Nay theo số liệu đo đạc mới có số thửa là 323, tờ bản đồ số 30, xã TN, huyện TC. Kết quả thẩm định cho thấy: Thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4, nay theo số liệu đo đạc mới có số thửa là 323, tờ bản đồ số 30, có diện tích đo thực tế hiện nay là 790 m², diện tích này lớn hơn diện tích được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây.

Trên thửa đất có 01 ngôi nhà ngói 3 gian, 01 ràn ngói 3 gian; 01 cái xái lợp Prô (ớt) sát nhà 3 gian, 01 nhà vệ sinh sát sau cái xái lợp Prô, sau nhà 3 gian có 01 cái ô bếp - đều do vợ chồng anh Trần Quang T xây dựng. Phía Tây Bắc thửa đất có 1 bờ tường rào cao 1,3 m không da trát, do vợ chồng anh Trần Quang T xây dựng. Phía trước nhà ngói 3 gian có 01 nhà ngói 1 gian 2 hồi do bà N xây dựng. Phía Đông Bắc giáp đường liên thôn có 01 bụi tre mọc tự nhiên; phía trước nhà 3 gian và nhà 1 gian, có 01 cái giếng của bố mẹ bà N để lại. Phía Đông Nam giáp đường liên xã và phía Đông Bắc có lưới B40 làm hàng rào bao quanh, do vợ chồng anh T xây dựng; phía trước giáp đường liên xã nghiêng về phía Đông Bắc có cổng tấp lưới, làm cổng ra vào do vợ chồng anh T làm.

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án có cơ sở xác định tài sản trên là của cụ Nguyễn Hữu Tong và cụ Nguyễn Thị Tong để lại chưa chia thừa kế là thửa đất số 815, tờ bản đồ số 4 (theo số liệu đo đạc mới có số thửa là 323, tờ bản đồ số 30) tại xã TN, huyện TC, có diện tích đo thực tế hiện nay là 790 m² và 01 cái giếng nước. Tại phiên tòa, các đương sự cũng thống nhất yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản này.

[2.2] Hàng thừa kế.

Hai vợ chồng cụ Nguyễn Hữu Tong và Nguyễn Thị Tong, có 04 người con gái, gồm Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1957, chết ngày 29/5/2015; bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị Hảo,

sinh năm 1966. Cụ Nguyễn Hữu Tong, chết ngày 03/11/1992, cụ Nguyễn Thị Tong chết 12/3/1996. Bố mẹ của hai cụ này cũng đã chết từ lâu, hiện nay không còn ai. Bà Nguyễn Thị Thành (có chồng như thế nào địa phương không rõ, tại địa phương không thể hiện bà Thành có chồng), bà Thành chỉ có 01 người con tên là Trần Quang T, sinh năm 1980 và vợ anh T là chị Hoàng Thị N, sinh năm 1983. Như vậy hàng thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Tong và Nguyễn Thị Tong gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo và bà Nguyễn Thị Thành, do bà Thành đã chết nên anh Trần Quang T là người hưởng phần thừa kế chuyển tiếp của bà Thành.

[2.3]. Về việc phân chia di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thống nhất được phương án giải quyết, phân chia tài sản tranh chấp. Xét thấy, phương án phân chia tài sản tranh chấp là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các nội dung kháng cáo, kháng nghị đã được thống nhất thỏa thuận giải quyết. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho các đương sự phân tài sản thừa kế được nhận và xử lý tài sản trên đất như đã thống nhất thỏa thuận.

[3]. Về chi phí tố tụng, án phí:

Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Hảo thống nhất chịu phần chi phí thẩm định, định giá đã bỏ ra, không yêu cầu anh Trần Quang T phải chịu. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Hảo, anh Trần Quang T, chị Hoàng Thị N có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn, phần di sản nhận được là để tạo lập cuộc sống, có xác nhận của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho các đương sự. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị N.

Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ Điều 300, khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự: sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2]. Căn cứ khoản 2, 5 Điều 26; Điều 147, 148, 157; 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 631, 632, 633, 634, 635, 640, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 618, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.1]. Giao cho bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Hảo được quyền sử dụng 422 m² của thửa đất số 323, tờ bản đồ số 30 (số liệu đo đạc cũ là thửa số 815, tờ bản đồ số 4) xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Trong đó có 150 m² đất ở và 272 m² đất vườn. (Chi tiết phần đất được quyền sử dụng, được giới hạn bởi các điểm B, 9, 10, 11 về B).

[2.2] Giao cho anh Trần Quang T, chị Hoàng Thị N được quyền sử dụng 368 m² của thửa đất số 323, tờ bản đồ số 30 (số liệu đo đạc cũ là thửa số 815, tờ bản đồ số 4) xã TN, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Trong đó có 150 m² đất ở và 218 m² đất vườn. (Chi tiết phần đất được quyền sử dụng, được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, B về 4).

(Sơ đồ phân chia thửa kế kèm theo).

[2.3]. Giao cho anh Trần Quang T, chị Hoàng Thị N được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất được phân chia (trừ giếng nước, 01 ngôi nhà ngói 1 gian 2 hồi và đoạn hàng rào tiếp giáp với thửa đất 320), anh T, chị N có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất do vợ chồng anh T, chị N xây dựng theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2022 trên phần đất được giao cho bà N, bà Hảo, bà Ng. Không có quyền yêu cầu thanh toán bù trừ chênh lệch, không có quyền yêu cầu thanh toán chi phí tháo dỡ.

Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo có trách nhiệm đồng ý cho anh T, chị N tháo dỡ các công trình trên phần đất của bà N, bà Ng, bà Hảo được giao do anh T, chị N đã xây dựng (trừ giếng nước, 01 ngôi nhà ngói 1 gian 2 hồi và đoạn hàng rào tiếp giáp thửa đất số 320).

[2.4]. Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo được quyền quản lý, sử dụng đối với giếng nước và đoạn hàng rào phía sau giáp thửa đất số 320 (do anh T xây dựng) và không thanh toán chi phí xây dựng cho anh T, chị Hoàng Thị N.

[2.5]. Bà Nguyễn Thị N được quyền sở hữu 01 ngôi nhà ngói 1 gian 2 hồi là nhà thờ do bà N xây dựng nằm trên phần đất được chia cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hảo.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí

[3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 5.188.000 đồng (Năm triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009146 ngày 16/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

[3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận, bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0009338 ngày 28/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND H. TC
- VKSND H. TC;
- THADS H. TC;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường

